

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 11, 13 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 447/2019/TLST-DS ngày 08/7/2019 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung và tranh chấp thừa kế”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà **Tống Thị Loan Đ**, sinh năm 1967.

Địa chỉ thường trú: Số 74A1 đường H, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Tầng 7/2 số 454 đường Ng, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Hoàng Việt H**, sinh năm 1983.

Địa chỉ liên lạc: Tầng 7/2 số 454 đường Ng, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số chứng thực 4449, quyền số 05-SCT/CK, ĐC ngày 13/5/2019 do Văn phòng Công chứng B chứng thực).

2/ Bị đơn: Bà **Tổng Thị Phương L**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số 311 L16 đường số 7, phường A, thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Y Tong (Tổng Thị Phương Y)**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: 174A Canley Vale Rd Canley Heights NSW 2166, Australia.

Người đại diện hợp pháp của bà Y Tong: Bà **Tổng Thị Loan Đ**, sinh năm 1967.

Địa chỉ thường trú: Số 74A1 đường H, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là người đại diện theo ủy quyền. (Giấy ủy quyền đã được Tổng Lãnh sự quán nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam tại Sydney, Australia hợp pháp hóa lãnh sự vào ngày 22/10/2019)

3.2. Bà **Phạm Tường V**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số 311 L16 đường số 7, phường A, thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Bà **Tổng Như T**, sinh năm 1995.

Địa chỉ thường trú: Số 74A1 đường H, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Ông **Nguyễn Thành Q**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 311 H31, Khu tái định cư 17,3ha, phường A, thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Xác định thửa đất số 275, tờ bản đồ số 02, diện tích 1847m² tọa lạc tại số 101/11 ấp L, phường L, thành phố Th (Quận X cũ), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01025 QSDĐ/LP ngày 17/8/1999 (đăng ký thay đổi ngày 31/12/2001, ngày 04/4/2007 và ngày 02/02/2021) và thửa đất số 1036, tờ bản đồ số 02, diện tích 1008m² tọa lạc tại phường L, thành phố Th (Quận X cũ), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02429 QSDĐ/LP ngày 18/01/2002 (đăng ký thay đổi ngày 04/02/2021) cùng do Ủy ban nhân dân Quận X (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Th) cấp cho hộ cụ Nguyễn Thị T là tài sản chung của 06 người gồm: Cụ Nguyễn Thị T, bà Tổng Thị Loan Đ, bà Tổng Thị Phương L, bà Y Tong (Tổng Thị Phương Y), bà Phạm Tường V, bà Tổng Như T. Tổng giá trị 02 thửa đất trên là 7.137.500.000 (Bảy tỷ, một trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm ngàn) đồng.

- Cụ Nguyễn Thị T chết năm 2017 không để lại di chúc. Cụ T có chồng là cụ Tổng Văn Đ, chết năm 1968. Cụ T và cụ Đ có 04 người con chung gồm: Ông Nguyễn Thành Q, bà Y Tong (Tổng Thị Phương Y), bà Tổng Thị

Phương L và bà Tổng Thị Loan Đ. Cha mẹ cụ T đã chết từ lâu. Xác định hàng thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Thị T gồm: Ông Nguyễn Thành Q, bà Y Tong (Tổng Thị Phương Y), bà Tổng Thị Phương L và bà Tổng Thị Loan Đ.

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các ông bà: Tổng Thị Loan Đ, Y Tong (Tổng Thị Phương Y), Nguyễn Thành Q, Tổng Thị Phương L, Tổng Như T, Phạm Tường V thống nhất bán toàn bộ 02 thửa đất trên đề chia đều làm 06 phần cho 06 đồng sở hữu. Phần sở hữu của cụ Nguyễn Thị T sẽ giao toàn bộ cho ông Nguyễn Thành Q.

Trong thời hạn 09 tháng kể từ ngày có quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, nếu các bên không thể tự bán đất được thì đồng ý giao 02 thửa đất trên cho cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi. Sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật, số tiền còn lại sẽ chia đều cho các đồng sở hữu mỗi người được 1/6 giá trị đất.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Các ông bà: Tổng Thị Loan Đ, Y Tong (Tổng Thị Phương Y), Tổng Thị Phương L, Nguyễn Thành Q, Phạm Tường V, Tổng Như T mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.843.625 (Hai mươi ba triệu tám trăm bốn mươi ba ngàn sáu trăm hai mươi lăm) đồng. Riêng bà Đ được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 (Sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0013190 ngày 05/7/2019 và 6.250.000 (Sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0013191 ngày 05/7/2019 cùng của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đ còn phải nộp 11.343.625 (Mười một triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn sáu trăm hai mươi lăm) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Hồng Loan

